

Số: /BC-SNN

Sơn La, ngày tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh Sơn La

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc Hội về ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc Chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi khoản 1, Điều 1 của quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc các chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh Sơn La;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tại Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 29/2/2024 về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La thời kỳ 2019 - 2023 (trong đó giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu bãi bỏ Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh. Thời hạn hoàn thành trong quý II/2024).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả triển khai áp dụng thực hiện Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh trong giai đoạn 2014-2026 trên địa bàn tỉnh với những nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện

Trên cơ sở Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các Ban quản lý Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức thực hiện lập hồ sơ thiết kế và dự toán các công trình trồng

rừng giai đoạn 2014-2016 đảm bảo đúng đối tượng, phạm vi, định mức theo quy định của Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể: ban hành Hướng dẫn số 988/SNN-CCLN ngày 11/8/2014 về việc hướng dẫn lập hồ sơ thiết kế và dự toán trồng rừng; Hướng dẫn số 232/HD-SNN ngày 11/5/2015 về việc hướng dẫn trình tự nội dung lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán các hạng mục xây dựng cơ bản lâm sinh và Hướng dẫn số 185/HD-SNN ngày 27/5/2016 về trình tự nội dung lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán các hạng mục xây dựng cơ bản lâm sinh (*hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 232/HD-SNN ngày 11/5/2015 từ ngày 27/5/2016*).

2. Kết quả áp dụng định mức hỗ trợ theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh

Thực hiện Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện một số nội dung quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tập trung chỉ đạo các đơn vị, dự án triển khai nhiệm vụ lâm nghiệp giai đoạn 2014-2016 theo chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao. Đã tổ chức thẩm định, phê duyệt 27 hồ sơ đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán công trình trồng rừng trên địa bàn 12 huyện, thành phố của 16 Ban quản lý Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2014-2020; Diện tích các đơn vị, dự án bảo vệ và phát triển rừng đã tổ chức trồng trong giai đoạn 2014-2016 trên địa bàn tỉnh được 9.556,5 ha (*trong đó: trồng rừng phòng hộ, đặc dụng là 6.346,5 ha và trồng rừng sản xuất 3.210,0 ha, cụ thể năm 2014 trồng được 930,1 ha; Năm 2015 trồng được 4.369,0 ha; Năm 2016 trồng được 4.257,4 ha*). Dự toán kinh phí hỗ trợ các công trình trồng rừng phù hợp với định mức được UBND tỉnh Sơn La quy định tại Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 (*cụ thể: mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất 7,5 triệu đồng/ha/3 năm*) và *mức hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 15 triệu đồng/ha/4 năm*).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

Định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng tại Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh được đi vào thực tiễn, diện tích đầu tư trồng rừng cơ bản phù hợp về đối tượng, phạm vi, định mức và biện pháp kỹ thuật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; về chất lượng, hiệu quả của rừng trồng bước đầu đã xác định được một số loại cây trồng rừng đem lại hiệu quả tích cực cho nhân dân như: cây Sơn tra, Thông mã vĩ, một số loài lâm sản ngoài gỗ (*tre, măng các loại,...*) và góp phần giải quyết công ăn việc làm, cải thiện đời sống của

người dân; là nền tảng ban đầu khuyến khích, thu hút, tạo động lực cho người dân địa phương tích cực tham gia thực hiện các Chương trình, dự án đầu tư trồng, chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng trồng trong giai đoạn tiếp theo.

2. Những khó khăn, vướng mắc

Hiệu quả từ áp dụng chính sách theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh mang lại là rất rõ ràng. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc cụ thể:

- Định mức hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, đặc dụng (*15 triệu đồng/ha/4 năm*) và định mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất (*7,5 triệu đồng/ha/3 năm*) là quá thấp so với chi phí thực tế (*vị trí khu vực thi công các công trình trồng rừng phòng hộ, đặc dụng tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại khó khăn, phần lớn không có đường giao thông do đó Chủ đầu tư phải mở đường vận chuyển cây giống, trong quá trình thi công phát sinh nhiều chi phí không có trong dự toán được duyệt*). Từ đó, dẫn tới nhiều khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện ở cơ sở.

- Ngân sách địa phương cân đối bố trí cho công tác hỗ trợ trồng rừng còn hạn chế, việc đầu tư hỗ trợ bổ sung chưa thể thực hiện được; hàng năm nguồn kinh phí được Trung ương cấp không đủ để thực hiện đảm bảo đúng định mức.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất tại 02 Quyết định (*Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014*) được Chính phủ quy định tại Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 07/9/2007 và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty lâm nghiệp (*trong đó mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phòng hộ đặc dụng đã được điều chỉnh tăng; hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, đặc dụng là 30 triệu đồng/ha; hỗ trợ trồng rừng sản xuất là 10 triệu đồng/ha*) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2016. Do đó, để tiếp tục thực hiện tốt công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh từ tháng 11/2016 đến nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thực hiện rà soát, điều chỉnh các hạng mục đầu tư của 16 Dự án bảo vệ phát triển rừng cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành hiện nay, đề nghị không áp dụng thực hiện chính sách hỗ trợ trồng rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh và tiếp tục tham mưu thực hiện quy trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh trong giai đoạn 2014-2016 trên địa bàn tỉnh Sơn La. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCKL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Dũng Tiến